TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Ông Nguyễn Cửu Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 41 T, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm: 1966

Địa chỉ: 182A Khu phố 3, phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Thành D có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Đtrình bày:

Bà Đ và ông Nguyễn Thành Dtự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2009 ngày 21/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông D thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và đánh đập vợ con. Bà Đ và ông D đã ly

thân từ năm 2013 cho đến nay.Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Đ trình bày cómột con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày: 09/6/2001 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thành D vắng mặt nhưng có lời khai như sau: Ông và bà Huỳnh Thị Ngọc Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2009 ngày 21/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà Đ đã ly thân. Nay bà Đ làm đơn xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông D trình bày cómột con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày: 09/6/2001 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ và ông D vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện ý kiến của các bên. Cả hai cùng trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà Đ yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý, điều này thể hiện ông D không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông D đã kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn ông D.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày: 09/6/2001 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị, Hội đồng xét xử ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa,lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận 2 nhận định:

1. Về mặt tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ xin ly hôn ông Nguyễn Thành D, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại kết quả trả lời Phiếu yêu cầu xác minh số 57/2020/PYCXM của Công an phường P, Quận 2 thể hiện "đương sự Nguyễn Thành D, sinh năm: 1966 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 182A Khu phố 3, phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại ông D đang cư trú tại địa chỉ 182A Khu phố 3, phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh". Do bị đơn cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho tất cả các đương sự trong vụ án nhưng bà Đvà ông Dcó Đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Thành D tự nguyện chung sống với nhau từ năm năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2009 ngày 21/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà Đvà ông Dđược công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ và ông D đều có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên tại các bản tự khai bà Đ và ông D đều xác định trong quá rình chung sống, vơ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà Đ và ông D đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân giữa bà Đ và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Thực tế giữa đôi bên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay.Bà Đ xin ly hôn ông D đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Đ và ông D tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng được trả lời không có thông tin.

Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Ngọc Đ.

- Về con chung: Bà Đ và ông D cùng khai có một con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày: 09/6/2001 (đã trưởng thành)không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Đ và ông D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nênHội đồng xét xử ghi nhận.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0027354 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà Đ đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Thành D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Đ:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc Đđược ly hôn ông Nguyễn Thành D

(Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2009 ngày 21/5/2009 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Bà Đ và ông D cùng khai có một con chung tên Nguyễn Tuấn H, sinh ngày: 09/6/2001 (đã trưởng thành)không yêu cầu Tòa án giải quyếtnên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Đ và ông D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0027354 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà Đ đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Thành D không phải chịu án phí.

3.Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Thành D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga